



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.26.00066

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận sản phẩm nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản:

Tên sản phẩm : Bột thịt xương lợn (PORCINE MEAT AND BONE MEAL)
Số lượng/ khối lượng : Hàng xá chứa trong 15 container/ 287.935 kg
Ngày sản xuất : 20-25/10/2025
Hãng, nước sản xuất : Baker Commodities Inc, U.S.A
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : PSD-GK_MIDWEST_MBM50-95-Q4 ngày 01/9/2025
Hóa đơn số : PSD20250862 ngày 16/11/2025
Vận đơn số : S00030067 ngày 16/11/2025
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 11151/HQ-GDK-TTKN ngày 31/12/2025
(Mã hồ sơ BNNPTNT29250044034)
Đơn vị được cấp : **CÔNG TY TNHH G.K VIỆT NAM**
Địa chỉ: Số 8 Đường N10, Khu phố 2, phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 01-190:2020/BNNPTNT, Sửa đổi 1:2021 QCVN 01-190:2020/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

Quyết định chứng nhận
Số: 128 /QĐ-TTKN
Ngày 13 tháng 01 năm 2026

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Thị Bưởi





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.26.00067

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận sản phẩm nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản:

Tên sản phẩm : Bột hồng cầu bò sấy phun - SPRAY DRIED BOVINE HEMOGLOBIN

Số lượng/ khối lượng : Hàng xá chưa trong 2.736 bao/ 68.400 kg

Ngày sản xuất : 17-19/9/2025; 23-25/9/2025

Hãng, nước sản xuất : Industria Química Alimentaria S.A., Argentina

Thuộc lô hàng nhập khẩu

Hợp đồng số : SK-GK-HCM56-HEMO-07-Q3 ngày 29/8/2025

Hóa đơn số : SK20250813 ngày 01/11/2025

Vận đơn số : HLCUBU3251022250 ngày 01/11/2025

Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 10448/HQ-GDK-TTKN ngày 12/12/2025
(Mã hồ sơ BNNPTNT29250043258)

Đơn vị được cấp : **CÔNG TY TNHH G.K VIỆT NAM**
Địa chỉ: Số 8 Đường N10, Khu phố 2, phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 01-190:2020/BNNPTNT, Sửa đổi 1:2021 QCVN 01-190:2020/BNNPTNT

Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

Quyết định chứng nhận
Số: 128 /QĐ-TTKN
Ngày 13 tháng 01 năm 2026

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Thị Bưởi



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 325/2026/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng IIĐịa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí MinhNgười gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Vũ ThànhMô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản, đựng trong túi

Mã số mẫu/Sample code : 0652601441

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 07/01/2026

Ngày phân tích/Analysing date : 07/01/2026

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
0126016/hqv2 BỘT HỒNG CẦU BÒ SẤY PHUN - SPRAY DRIED BOVINE HEMOGLOBIN BNNPTNT29250043258	Asen tổng số (**)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	AOAC 986.15
	Chì (Pb) (**)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	AOAC 986.15
	Cadimi (Cd) (**)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	AOAC 986.15
	Ethoxyquin (*)	mg/kg (LOQ=0,1)	KPH	AOAC 996.13
	Escherichia coli (*)(**)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp. (*)(**)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 10/01/2026

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 326/2026/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng IIĐịa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí MinhNgười gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Vũ ThànhMô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản, đựng trong túi

Mã số mẫu/Sample code : 0662601442

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 07/01/2026

Ngày phân tích/Analysing date : 07/01/2026

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
0126017/hqv2 BỘT THỊT XƯƠNG LỢN (PORCINE MEAT AND BONE MEAL) BNNPTNT29250044034	Asen tổng số (**)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	AOAC 986.15
	Chì (Pb) (**)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	AOAC 986.15
	Cadimi (Cd) (**)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	AOAC 986.15
	Ethoxyquin (*)	mg/kg (LOQ=0,1)	KPH	AOAC 996.13
	Escherichia coli (*)(**)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp. (*)(**)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 10/01/2026

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.